ĐIỀU TRA KHẢO CỔ HỌC CỬA BIỂN Y BÍCH VÀ HỘI TRIỀU (THANH HÓA) NĂM 2025

BÙI VĂN HÙNG*

1. Mở đầu

Theo những ghi chép trong thư tịch, từ đầu thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX, ven biển Bắc Trung Bộ có sự hiện diện của nhiều thương cảng tại các cửa biển. Đó không chỉ là nơi cập bến của thuyền chài, thuyền buôn nội vùng, trong nước mà còn là điểm đến của thuyền buôn, thương nhân quốc tế. Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ có vai trò thúc đẩy kinh tế tiểu vùng phát triển, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của quốc gia (Nguyễn Văn Chuyên 2021).

Nằm trong vùng Bắc Trung Bộ, Thanh Hóa có vị trí địa chiến lược trên tuyến giao thương quốc tế đường biển, đường bộ… Ngoài ra, Thanh Hoá ở vào vị trí mở, với đường bờ biển dài 102km, vùng lãnh hải rộng lớn, có đảo và bán đảo, có cảng nước sâu... nơi giao thương không chỉ trong khu vực mà còn vươn tới những hải đảo và bến cảng xa xôi. Trong lịch sử, tiểu vùng này mang tính chất cửa ngõ đối với Đại Việt, Champa, Ai Lao, rộng hơn là cửa ngõ giữa các quốc gia này với thế giới bên ngoài. Tại đây có nhiều cửa sông/biển, trong đó nổi tiếng hơn cả là Y Bích và Hội Triều (Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Thanh Hóa 2000).

Theo nhiều nguồn sử liệu như *Đại Nam Nhất thống chí*, *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Y Bích đã là một cảng biển sầm uất từ những năm đầu Công nguyên, là thương cảng cổ thu hút nhiều thuyền bè của người Ấn, Hoa, Champa,... tới giao lưu buôn bán và đã hình thành nên một nền văn hóa cảng biển. Đặc biệt, cây đèn hình người với tóc xoăn, mắt trố, bụng to, rốn lồi, chân quỳ,... mang rõ phong cách Ấn Độ đã có mặt ở Y Bích (Trịnh Cao Tưởng 2002).

Với Hội Triều, dựa vào chi tiết trong tác phẩm *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi viết: "Các người ngoại quốc không được tự tiện vào trong nội trấn, tất cả đều phải ở Vân Đồn, Vạn Ninh, Cầu Hải, Hội Thống, Hội Triều, Thông Lĩnh, Phú Lương, Tam Kỳ, Trúc Hoa"; tác giả Nguyễn Văn Chuyên trong cuốn sách *Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ X - XIX* đã nhận định rằng, vào đầu thế kỷ XV, Hội Triều là một trong số 9 địa điểm chính quyền Lê sơ cho phép thương nhân ngoại quốc đến buôn bán. Điều đó phần nào cho thấy tầm quan trọng của Hội Triều trong hoạt động thương mại của Đại Việt lúc bấy giờ (Nguyễn Văn Chuyên 2021).

Dù có vị trí cũng như giá trị quan trọng trong quá trình giao thương, đóng góp nhiều vào sự hình thành và phát triển của con đường tơ lụa trên biển qua lãnh hải Việt Nam nhưng những nghiên cứu về cửa biển, cảng biển khu vực này cho đến nay là chưa nhiều. Vì vậy, việc khảo sát khảo cổ học tại các cửa biển như Y Bích và Hội Triều nhằm phát hiện những giá trị vật thật để góp thêm tư liệu khảo cổ/lịch sử cho khu vực là việc làm rất cần thiết.

* Viện Khảo cổ học

2. Lịch sử nghiên cứu

Nghiên cứu về các cửa biển Việt Nam đầu tiên có lẽ là học giả người Pháp Gustave Dumoutier với ấn phẩm *Nghiên cứu bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV*. Ấn phẩm được xuất bản năm 1895, cũng là tài liệu sớm nhất hiện biết về địa lý học lịch sử, bản đồ học lịch sử và lịch sử giao thông Việt Nam thời cổ. Công trình gồm một tập 25 tờ chú thích và 24 tấm bản đồ nối tiếp từ Kinh thành Thăng Long đến cố đô Vương quốc Champa cùng với các phụ lục là *Hành trình đường bộ* và *Hành trình đường thủy*. Với 24 tấm bản đồ và phụ lục kèm theo viết bằng chữ Hán hoặc Nôm, G. Dumoutier đã thực hiện: sao, chụp lại các tấm bản đồ; đọc và phiên âm các địa danh, các chỉ dẫn ra chữ Quốc ngữ và giải nghĩa bằng tiếng Pháp, đánh số ngay sát các chữ Hán, hoặc Nôm trên bản đồ những con số tương ứng để người đọc dễ đối chiếu; chuyển ngữ từ Hán, hoặc Nôm ra chữ Quốc ngữ và giải nghĩa bằng tiếng Pháp cả *Hành trình đường bộ* và *Hành trình đường thủy*; cuối cùng, nghiên cứu, phụ bổ các chú giải địa lý, lịch sử và khảo cổ trên các vùng đất này bằng việc đối chiếu *Tập Hải đồ* với các bản đồ cuối thế kỷ XIX. Qua đó, tác giả đã nêu lên những thay đổi quan trọng từ ba thế kỷ tại một số điểm miền duyên hải Trung kỳ và Bắc kỳ (Gustave Domoutier 2020).

Trong vị thế là một thương cảng, Y Bích trước đây nổi tiếng với các phát hiện thời Sơ sử và những thế kỷ đầu Công nguyên. Phát hiện khảo cổ quan trọng nhất tại đây được biết đến là cuộc khai quật những ngôi mộ gạch của O. Janse vào năm 1936, với việc phát hiện Pho tượng người cầm đèn nổi tiếng (Trịnh Cao Tưởng 2002).

Năm 2002, một số cuộc điều tra, khảo sát cũng đã được tiến hành tại khu vực phía Bắc cửa biển Y Bích và đã phát hiện được một số đồ gốm chủ yếu tập trung tại các thôn Bái Trung và Xuân Tiến do nhân dân đào bới tại các khu vực trước cửa Ủy ban Nhân dân xã và các xứ đồng Bản Tỵ, cống Thủy Mô, Mô Mồ... dưới độ sâu khoảng 1m trong các mộ gạch, mộ đất và cả mộ cũi gỗ (Trịnh Cao Tưởng 2002). Ngoài Y Bích, nhóm điều tra cũng đã tiến hành khảo sát tại cửa Hội Triều, thuộc địa phận phường Sầm Sơn ngày nay. Đây là vùng cửa sông Mã đổ ra biển.

Từ năm 2013 đến năm 2019, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia phối hợp với Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc tổ chức khảo sát khoảng 400 địa điểm gồm các hải cảng, cửa biển, bến thuyền và các di tích liên quan như chợ quán, bến bãi, đình chùa, đền miếu,… phân bố trên toàn lãnh thổ Việt Nam dọc theo 3.260km bờ biển nhằm làm sáng tỏ thực tế lịch sử trong văn hóa biển của Việt Nam, đồng thời, xác nhận một phần sự giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc từ xa xưa thông qua việc nghiên cứu các di vật, cổ vật… Nghiên cứu được chia làm 3 phần, trong đó phần II: *Thương cảng cổ ở miền Trung Việt Nam* được nghiên cứu theo ba nội dung: 1. Thương cảng vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh (từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XX); 2. Khái quát về cảng thị sơ khai thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam (thế kỷ V TCN đến thế kỷ I SCN); 3. Hệ thống thương cảng cổ thời Champa đến Đại Việt (từ thế kỷ II đến thế kỷ XX) (Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc 2019).

Gần nhất là những nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Chuyên với cuốn sách *Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ X - XIX*. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đưa ra chuỗi 12 hải cảng được chọn lọc miêu tả ghi nhận từ 19 cửa sông, nằm dọc theo bờ biển Bắc Trung Bộ, bao gồm 4 cảng thuộc tỉnh Thanh Hóa, 3 cảng thuộc tỉnh Nghệ An và 5 cảng thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Tại Thanh Hóa, ngoài vùng Biện Sơn (phường Nghi Sơn), tác giả nhấn mạnh đến vai trò của cửa biển Y Bích như là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa quan trọng hàng đầu của lỵ sở xứ Thanh, là thắng cảnh thiên nhiên thu hút sự chú ý của con người (Nguyễn Văn Chuyên 2021).

Cuộc điều tra khảo cổ năm 2025 này nhằm tiến hành khảo sát hiện trạng, phát hiện di tích, di vật khảo cổ tại các cửa biển Y Bích và Hội Triều (Thanh Hóa). Thông qua tư liệu khảo cổ học, bước đầu đánh giá tiềm năng cũng như giá trị nghiên cứu, giá trị lịch sử - văn hóa của một số cửa biển tại đây. Đồng thời làm nền tảng cho việc nghiên cứu tổng thể, tư liệu hóa, xây dựng hồ sơ khoa học phục vụ cho việc nghiên cứu lâu dài, đặc biệt là cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

3. Kết quả khảo sát

Là tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, Thanh Hóa đóng vai trò cầu nối giữa đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ. Tỉnh có đường bờ biển dài với nhiều cửa lạch do các sông lớn tạo thành, được bồi tụ phù sa và có đặc tính ổn định, trong đó xã Hoằng Tiến và phường Sầm Sơn là những khu vực tiêu biểu. Tại đây, với vị trí và đặc điểm vốn có của mình, Y Bích và Hội Triều đã vươn lên trở thành những cửa biển quan trọng và nổi tiếng nhất.

3.1. Kết quả khảo sát phía Nam cửa biển Y Bích

Hoằng Tiến (Thanh Hóa) là xã ven biển thuộc phía Nam hệ thống cửa biển Y Bích, gồm các xã Hoằng Trường, Hoằng Tiến, Hoằng Hải và Hoằng Yến thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ) có những đặc điểm nổi bật về địa lý, kinh tế và văn hóa. Khu vực này nằm ở phía Nam cửa biển Y Bích, là nơi sông Mã đổ ra Biển Đông, tạo nên một vùng cửa sông rộng lớn, thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu và các hoạt động hàng hải.

Khu vực này có địa hình ven biển bị chia cắt. Vùng mép biển là các cồn cát chạy song song, bên trong là dải đất trũng. Gần dãy núi Linh Trường, địa hình thấp hơn, có nguồn nước ngầm lớn, thích hợp cho việc canh tác lúa nước. Đất đai chủ yếu được bồi đắp từ phù sa sông kết hợp với thủy triều, tạo ra một vùng đất khá màu mỡ. Nơi đây cũng nổi tiếng với cảnh quan thiên nhiên đẹp, hoang sơ, có núi, sông và biển hòa quyện. Dãy núi Linh Trường án ngữ cửa biển, tạo nên một khung cảnh hùng vĩ. Ngoài ra, tại đây còn có các bãi nuôi ngao và bãi đá ven bờ (Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa 2025).

Ngư nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo. Đồng thời, việc thu hoạch các sản vật ven biển cũng là một công việc quen thuộc của người dân. Bên cạnh kinh tế biển, người dân còn canh tác một số cây trồng trên dải đất trũng ven biển như ngô, khoai lang, lạc. Khu vực này còn có tiềm năng phát triển du lịch nhờ cảnh quan thiên nhiên đẹp và các di tích lịch sử.

Trong quá trình điều tra tại đây, chúng tôi phát hiện khá nhiều di vật là đồ dùng sinh hoạt thuộc nhiều chất liệu với niên đại kéo dài từ thời Hán - Đại La, Lý, Trần, Lê sơ và Lê Trung hưng.

3.1.1. Di vật thời Hán

Chỉ phát hiện duy nhất chất liệu sành gồm có 5 mảnh vò và 3 mảnh nồi.

***Bảng 1.* Đồ sành thời Hán tại cửa biển Y Bích**

TT	Loại hình	Loại/Kiểu	Hiện trạng				Tổng
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đáy/Đế	
1	Vò	Loại I	-	2	2	-	4
		Loại II	-	1	-	-	1
2	Nồi		-	-	3	-	3
Tổng			**-**	**3**	**5**	**-**	**8**

(*Nguồn: Tác giả*)

- Vò: Tổng số 5 mảnh, trong đó có 3 mảnh miệng và 2 mảnh thân. Dựa vào kiểu dáng của miệng, chúng tôi chia vò tại đây thành hai loại: Loại I - Miệng loe bẻ và Loại II - Miệng loe thẳng.

+ Loại I: Gồm 2 mảnh miệng và 2 mảnh thân. Miệng vò loe bẻ, đường kính 30cm; mép miệng nghiêng ra ngoài, dày khoảng 1cm. Cổ vò ngắn (khoảng 0,3cm), vai cong tròn. Xương gốm mỏng dần từ cổ xuống đáy, thô nhưng đanh chắc. Bề mặt màu cam hoặc xám đen, lẫn nhiều cát, mặt ngoài in chìm hình ô vuông cạnh 0,3cm hoặc in nổi hình quả trám lồng cạnh 1,0cm *(Hình 1-2)*.

+ Loại II: Phát hiện một mảnh duy nhất, ký hiệu 25.YB.ST.Gs03. Màu xám đen, mặt ngoài khá mịn, mặt trong bám các mảng patin màu nâu sẫm. Miệng vò loe thẳng, thành miệng cao 1,5cm, mép miệng cắt phẳng, dày 0,5cm; đường kính miệng 16cm. Vai vò cong tròn, có gắn tai nhưng đã bị vỡ mất, trên thân có một chỉ chìm cách mép miệng 5,0cm. Xương gốm màu xám đen, lẫn nhiều cát, đanh chắc *(Hình 3)*.

- Nồi: Phát hiện 3 mảnh thân. Thân nồi cong tròn, màu xám đen, nâu đen và nâu sẫm. Xương gốm thô, lẫn khá nhiều cát, dày từ 0,3 - 0,5cm. Về hoa văn, có 1 mảnh trang trí hoa văn in chìm hình ô vuông và 2 mảnh còn lại trang trí văn chải *(Hình 4)*.



Hình 1-2. **Vò sành thời Hán Loại I**





Hình 3. **Vò sành thời Hán Loại II**



Hình 4. **Nồi sành thời Hán**

(Nguồn: Tác giả)

3.1.2. Di vật thời Đại La

Phát hiện được 3 mảnh, tất cả đều thuộc dòng gốm men trắng. Về loại hình, có 1 mảnh chân đế bát và 2 mảnh chân đế chậu.

Bảng 2. **Đồ gốm men thời Đại La tại cửa biển Y Bích**

TT	Loại hình	Hiện trạng				Tổng
		Đủ dáng	Miệng	Thân	Đáy/Đế	
1	Vò	-	1	-	-	1
2	Nồi	-	4	-	-	4
3	Bình	-	-	-	1	1
Tổng		**-**	**5**	**-**	**1**	**6**

(*Nguồn: Tác giả*)

- Bát: Hiện vật được phủ men trắng ngả xám xanh, lớp men dày, nhiều vết rạn và có hiện tượng đọng men, mặt ngoài men phủ không hết. Lòng bát sâu, cong hình lòng chảo, còn lưu lại các vết chồng nung bằng con kê kích thước lớn. Chân đế bát cao 0,4cm, đường kính 7cm; thành ngoài chân đế thẳng đứng, cạo rìa mép đế, đáy đế đặc. Xương gốm mịn, màu trắng sữa, đanh chắc.

- Chậu: Có 2 mảnh. Hiện vật đã bị bong tróc gần hết lớp men, bề mặt bị phong hóa mạnh, màu trắng hơi ngả xám. Đáy chậu được cắt phẳng liền thân, đường kính từ 20 - 28cm, góc cắt đáy bo tròn. Xương gốm mịn, màu trắng sữa, dày khoảng 1cm.

3.1.3. Di vật thời Lý

Di vật thời Lý phát hiện được tại cửa biển Y Bích chỉ xuất hiện ở chất liệu sành, gồm các loại hình vò, nồi và bình. Cụ thể được thống kê ở *Bảng 3*.

Bảng 3. **Đồ sành thời Lý tại cửa biển Y Bích**

Chất liệu	Dòng men	Loại hình	Hiện trạng				Tổng	
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đáy/Đế		
Gốm men	Trắng	Bát	-	-	-	4	4	5
	Ngọc	Bát	-	-	1	-	1	
Gốm sành		Lon	-	8	-	-	8	9
		Chậu	-	1	-	-	1	
Tổng			**-**	**9**	**1**	**4**	**14**	

(*Nguồn: Tác giả*)

- Vò: Phát hiện 1 mảnh miệng. Bề mặt hiện vật màu nâu đen, mặt trong nâu đỏ và được chuốt khá cẩn thận. Miệng vò có đường kính 35cm, dáng loe bẻ, thành miệng cao 2,2cm, mép miệng cắt phẳng, dày 1cm. Vai vò cong tròn, có gắn quai. Xương gốm mịn, đanh chắc, màu nâu đỏ *(Hình 5).*

- Nồi: Có màu nâu sẫm. Miệng loe nghiêng ra ngoài, thành trong miệng thẳng, thành ngoài đắp nổi gờ cao, mép miệng cắt phẳng, dày 0,5cm, rìa trong sắc cạnh, rìa ngoài vuốt bo tròn. Đường kính miệng nồi từ 17 - 24cm, thành miệng cao 1,0 - 1,3cm, mép miệng dày từ 0,5 - 0,8cm.

- Bình: Hiện vật có bề mặt màu nâu đen, được chuốt khá cẩn thận. Thân bình thu nhỏ dần xuống đế, lòng bình hẹp và sâu, mặt trong còn lưu lại một số dấu vết bàn xoay. Đường kính đế 6,2cm. Thành ngoài đế khum thẳng liền thân, thành trong thẳng đứng, cao 0,2cm; mép đế phẳng, khá thô, dày 0,5cm. Đáy đế phẳng, thô. Xương gốm màu nâu tím, khá mịn, đanh chắc.

3.1.4. Di vật thời Trần

Phát hiện tổng số 14 mảnh, trong đó đồ gốm men có 5 mảnh, 9 mảnh còn lại thuộc chất liệu sành.

* Đồ gốm men:

Gốm men thời Trần phát hiện được tại đây gồm hai dòng men: men trắng và men ngọc, tất cả đều thuộc loại hình bát trong tình trạng vỡ nát, chỉ còn lại các mảnh chân đế và 1 mảnh thân.

***Bảng 4.* Di vật thời Trần tại cửa biển Y Bích**

Dòng men	Loại hình	Loại	Hiện trạng				Tổng	
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Chân đế		
Trắng	Bát	Loại I	-	3	1	2	6	11
		Loại II	-	3	1	1	5	
Hoa lam	Bát	Loại I	-	-	1	2	3	13
		Loại II	-	-	6	4	10	
Nâu	Bình		-	-	1	-	1	1
Hai màu men	Bát		-	-	1	-	1	1
Tổng			**-**	**6**	**11**	**9**	**26**	

(*Nguồn: Tác giả*)

- Bát men trắng có hai loại:

Loại I là bát có chân đế thấp, thành ngoài chân đế thẳng đứng, được chia thành ba kiểu: Kiểu 1 có mép đế cắt phẳng; Kiểu 2 mép đế cắt phẳng cạo xương rìa trong; Kiểu 3 có đáy đế đầy. Kích thước chân đế cao từ 0,3 - 0,9cm, đường kính đế từ 6,4 - 7,7cm *(Hình 6).*

Loại II là bát có thành ngoài chân đế cắt hình con tiện, thành trong hơi choãi, mép đế cắt phẳng, dày 0,4cm, góc đáy đế cắt tiện, đáy đế phẳng, đường kính chân đế 5,6cm.

- Bát men ngọc phát hiện 1 mảnh thân bát phủ men ngọc màu xanh rêu sẫm, lớp men dày, có nhiều vết rạn. Thành ngoài thân bát để trơn, thành trong trang trí in nổi hình hoa lá cách điệu.



***Hình 5.* Vò sành thời Lý**



***Hình 6.* Bát men trắng loại I thời Trần**



***Hình 7.* Lon sành kiểu 1 thời Trần**

(Nguồn: Tác giả)

* Đồ gốm sành:

Về lon, có thể nói đây là loại lon thân cao điển hình của thời Trần, thân trụ chuẩn, miệng có mặt cắt là hình tam giác với thành miệng trong và ngoài gần như tương đương nhau (sử dụng kỹ thuật cắt và sau đó được chuốt lại rất sắc nét), đường kính miệng từ 22 - 27cm. Phần thân giáp miệng có cắt rãnh rất sâu và rộng tạo thành cổ lon. Xương gốm mỏng đều, chất liệu đanh mịn. Dựa vào hoa văn trang trí có thể chia thành hai kiểu. Kiểu 1 trên thân trang trí văn nan chiếu mịn và các đường chỉ chìm chạy song song với miệng (từ 5 - 11 chỉ chìm, cách mép miệng 2,2 - 2,6cm) *(Hình 7)*. Kiểu 2 trên thân trang trí hoa văn nan chiếu mịn.

Chậu có đường kính miệng 35cm, mép miệng vê tròn; thành miệng loe ngang, dày 0,6cm. Bề mặt thân màu nâu đen, phần miệng màu nâu sẫm; xương gốm màu nâu xám, mịn và đanh chắc.

3.1.5. Di vật thời Lê sơ

Tổng số phát hiện 28 mảnh, trong đó có 26 mảnh thuộc đồ gốm men và 2 mảnh gốm sành.

* Đồ gốm men:

Xét về sự đa dạng, đồ gốm men thời Lê sơ phong phú nhất với việc có mặt của 4 dòng men, gồm 11 mảnh men trắng, 13 mảnh hoa lam, 1 mảnh men nâu và 1 mảnh hai màu men.

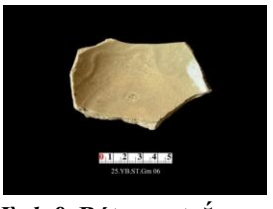
***Bảng 5.* Đồ gốm men thời Lê sơ tại cửa biển Y Bích**

Chất liệu	Dòng men	Loại hình	Hiện trạng				Tổng	
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đáy/Đế		
Gốm men	Trắng	Bát	-	13	22	9	44	65
		Đĩa	-	-	-	12	12	
	Hoa lam	Bát	-	-	-	9	9	
Gốm sành		Bình	-	2	7	-	9	9
Tổng			**-**	**15**	**29**	**30**	**74**	

(Nguồn: Tác giả)

- Dòng men trắng: Xuất hiện ở loại hình bát, tuy nhiên tất cả đều trong tình trạng vỡ nát, trong đó có 3 mảnh miệng, 1 mảnh thân và 2 mảnh chân đế. Dựa vào kỹ thuật cắt chân đế, có thể thấy bát ở đây gồm hai loại: Loại I là bát có chân đế thấp, thành trong thân bát in nổi hình rồng; Loại II là bát có chân đế thấp, đáy đế cắt sâu. Các mảnh miệng dáng loe thẳng, mép miệng vê tròn, dày từ 0,2 - 0,3cm. Chân đế bát cao 0,5 - 0,7cm, đường kính đế 5,7 - 7cm, mép đế cắt phẳng dày 0,2cm. Bát phủ men trắng xanh, lớp men mỏng, nhiều vết rạn, mặt ngoài men phủ không hết. Xương gốm mịn, màu trắng xám hoặc xám vàng, đanh mịn *(Hình 8)*.

- Dòng men hoa lam: Men hoa lam (men trắng vẽ lam) cũng chỉ xuất hiện ở loại hình bát và được chia thành hai loại: Loại I là bát có chân đế cao, thân bát không có hoa văn trang trí mà chỉ có đường chỉ lam xuất hiện ở phần tiếp giáp giữa thân và lòng bát, lòng bát viết chữ "Chính". Loại II là bát có chân đế cao, trang trí hoa văn ở mặt ngoài thân bát; bát đã bị vỡ gần hết, tuy nhiên, có thể thấy phần giáp chân đế bát được vẽ motif cánh sen. Đây là những loại bát điển hình và khá cao cấp của thời Lê sơ; dáng bát cong đều mềm mại, chân đế thanh thoát (cao 2 - 2,4cm, đường kính 7 - 7,2cm, mép đế mỏng 0,2cm), góc đáy đế cắt tiện, đáy đế phẳng và được tô nâu *(Hình 9-11)*.



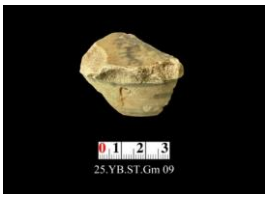
***Hình 8.* Bát men trắng loại I thời Lê sơ**



***Hình 9.* Bát hoa lam loại I thời Lê sơ**



***Hình 10.* Bát hoa lam loại II thời Lê sơ**



***Hình 11.* Bát hoa lam loại II thời Lê sơ**

(Nguồn: Tác giả)

- Dòng men nâu: Phát hiện 1 mảnh thân thuộc loại hình bình, tuy nhiên, lớp men trên hiện vật đã bị bong tróc hết, lộ phần xương gốm màu xám hồng. Mặt ngoài thân bình khắc các đường chỉ chìm rộng từ 0,1 - 0,4cm chạy song song với nhau; mặt trong bình để mộc. Xương gốm dày 0,7cm, màu trắng xám, đanh mịn.

- Dòng gốm hai màu men: Đây là một mảnh thân bát được phủ men trắng ở mặt trong và men nâu mặt ngoài.

* Đồ gốm sành:

Đồ sành thời Lê sơ phát hiện tại Y Bích chỉ có 2 mảnh miệng nồi với đặc điểm thành miệng cao khoảng 1cm, uốn loe cong hình chữ "S"; mép miệng vê tròn, dày từ 0,3 - 0,6cm, đường kính miệng từ 20 - 24cm. Hiện vật có màu nâu đen hoặc nâu đỏ, vai cong tròn; xương gốm thô nhưng khá đanh chắc.

3.1.6. Di vật thời Lê Trung hưng

Có số lượng nhiều nhất với 65 mảnh gốm men và 9 mảnh gốm sành.

* Đồ gốm men:

***Bảng 6.* Di vật thời Lê Trung hưng tại cửa biển Y Bích**

Chất liệu	Loại hình	Hiện trạng				Tổng
		Đù dáng	Miệng	Thân	Đế/Đáy	
Gốm men	Bát	-	-	-	4	4
Gốm sành	Lon	-	4	-	-	4
Tổng		**-**	**4**	**-**	**4**	**8**

(Nguồn: Tác giả)

Về số lượng, đồ gốm men thời Lê Trung hưng có số lượng nhiều hơn cả với tổng số 65 mảnh thuộc các loại hình bát và đĩa, gồm dòng men trắng và men hoa lam. Trong đó, dòng men trắng có 56 mảnh (44 mảnh bát và 12 mảnh đĩa), dòng men hoa lam có 9 mảnh đều là các mảnh bát.

- Dòng men trắng: Gồm bát và đĩa.

Bát thời Lê Trung hưng tại đây có hai loại. Loại I là bát được phủ men toàn bộ, chồng nung bằng phương pháp con kê; thành ngoài chân đế khum, thành trong choãi, mép đế cắt phẳng, cạo xương hai rìa mép; chân đế bát cao từ 0,6 - 0,9cm, đường kính chân đế từ 6,8 - 7cm, mép đế dày khoảng 0,4cm. Loại II là bát có mặt ngoài thành bát phủ men không hết, chồng nung bằng phương pháp ve lòng; hai thành chân đế thẳng đứng, mép đế cắt phẳng; chân đế bát cao từ 0,4 - 0,5cm, đường kính chân đế từ 6,8 - 7cm, mép đế từ 0,5 - 0,6cm (*Hình 12-13).*



***Hình 12.* Bát men trắng loại I thời Lê Trung hưng**



***Hình 13.* Bát men trắng loại II thời Lê Trung hưng**



***Hình 14.* Bát hoa lam loại I thời Lê Trung hưng**



***Hình 15.* Bát hoa lam loại II thời Lê Trung hưng**

(Nguồn: Tác giả)

Đĩa được phủ men màu trắng ngà, lớp men mỏng, bóng mặt và có nhiều vết rạn, mặt ngoài men phủ không hết. Lòng đĩa rộng, khá phẳng và có dấu ve lòng. Chân đế đĩa thấp, cao khoảng 0,1cm, đường kính chân đế từ 5 - 5,5cm, mép đế dày 0,2 - 0,3cm; thành ngoài chân đế thẳng đứng và thấp hơn, thành trong hơi choãi (đáy đế sâu); góc đáy đế cắt tiện, đáy đế phẳng. Xương gốm màu trắng sữa, mịn và đanh chắc.

- Dòng men hoa lam: Tương tự như ở dòng men trắng, bát thuộc dòng men hoa lam cũng có hai loại. Loại I là bát được phủ men toàn bộ, chồng nung bằng vòng bột chống dính, giữa lòng bát được trang trí bông hoa cúc tròn; chân đế bát cao khoảng 0,5cm, đường kính chân đế khoảng 5,5cm, mép đế dày 0,3cm. Loại II là bát có mặt ngoài phủ men không hết, chồng nung bằng phương pháp ve lòng, giữa lòng bát trang trí bông hoa cúc tia; chân đế bát cao từ 0,7 - 1,2cm, đường kính đế từ 9 - 9,7cm, mép đế dày 0,5 - 0,7cm *(Hình 14-15).*

* Đồ gốm sành:

Có 9 mảnh bình, trong đó có 2 mảnh miệng và 7 mảnh thân. Bình có cổ cao; miệng loe thẳng, mép miệng dày 0,7cm, vê tròn hình cánh cung, mép ngoài đắp gờ nổi, đường kính miệng từ 11 - 13cm. Mặt ngoài hiện vật màu xám đen, mặt trong màu nâu sẫm. Xương gốm mịn, màu nâu tía.

3.2. Kết quả khảo sát cửa biển Hội Triều

Tên gọi Hội Triều gắn liền với địa danh làng Hội Triều (xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa). Theo *Địa chí làng Hội Triều*, tên gọi này xuất phát từ địa thế đặc biệt của vùng đất này, là nơi các con sông hội tụ và có nước thủy triều lên xuống. Vị trí này không chỉ tạo nên một cảnh quan thiên nhiên độc đáo mà còn hình thành nên một thương cảng sầm uất (Nguyên Linh 2021).

Phía Nam cửa biển Hội Triều là phường Sầm Sơn (Thanh Hóa), tuy diện tích đất liền nhỏ nhưng lại có phần biển rộng lớn. Vị trí này tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển. Nơi đây có đầy đủ các dạng địa hình: đồng bằng, biển, núi (tiêu biểu là núi Trường Lệ) và có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Địa bàn phường có hai con sông chính chảy qua là sông Mã và sông Đơ. Vị trí địa lý đặc biệt đã biến nơi đây thành điểm hội tụ của các cộng đồng dân cư, tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo. Sầm Sơn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, đền thờ các vị anh hùng dân tộc như vua Thục Phán An Dương Vương, Tô Hiến Thành, cùng với các công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc như Chùa Khải Minh, đền Độc Cước. Các di tích và danh lam thắng cảnh này đang là nguồn lực chính để phát triển du lịch, với mục tiêu xây dựng Sầm Sơn thành trung tâm du lịch quốc tế (Thành ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ thành phố Sầm Sơn 2022).

Trong quá trình điều tra tại đây, chúng tôi phát hiện nhiều di vật là đồ dùng sinh hoạt thuộc nhiều chất liệu với niên đại kéo dài từ thời Hán, Trần, Lê sơ đến Lê Trung hưng.

3.2.1. Di vật thời Hán

Có 3 mảnh thân vò sành, đều phát hiện sát mép nước, bị phong hóa nặng và có lớp patin mỏng màu nâu vàng bám xung quanh. Vò có vai cong tròn, mặt ngoài trang trí hoa văn in nổi hình quả trám lồng, mặt trong để trơn, cả hai mặt đều được chuốt khá cẩn thận. Xương gốm dày khoảng 0,7cm, khá mịn và đanh chắc.

3.2.2. Di vật thời Trần

Có số lượng khá ít, chỉ 4 mảnh đồ gốm men và 4 mảnh đồ gốm sành.

***Bảng 7.* Di vật thời Trần tại cửa biển Hội Triều**

Chất liệu	Dòng men	Loại hình	Hiện trạng				Tổng
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đế/Đáy	
Gốm men	Hoa lam	Bát	-	-	-	9	9
Gốm sành		Bình	-	-	-	2	2
Tổng			-	-	-	11	11

(Nguồn: Tác giả)

* Đồ gốm men:

Chỉ có loại hình bát trên dòng men trắng, thuộc bát Loại I, là bát có chân đế thấp, thành ngoài chân đế thẳng đứng, gồm ba kiểu: Kiểu 1 có mép đế cắt phẳng; Kiểu 2 mép đế cắt phẳng cạo xương rìa trong; Kiểu 3 có đáy

đế đầy. Kích thước chân đế bát cao từ 0,3 - 0,9cm, đường kính đế 5,4 - 7,5cm, mép đế dày 0,2 - 0,3cm. Lớp men mỏng, nhiều vết rạn và bị bong tróc rất nhiều. Lòng bát rộng, cong hình lòng chảo và được chồng nung bằng phương pháp con kê *(Hình 16 - 17).*

* Đồ gốm sành:

Ít về số lượng và nghèo nàn về loại hình. Cụ thể, có 4 mảnh, trong đó tất cả đều là các mảnh miệng lon. Một điểm khá thú vị là lon tại đây đều thuộc loại lon có mặt cắt miệng là hình nửa lá đề, cổ không có rãnh. Đây là loại lon có niên đại muộn (thế kỷ XIV), là kiểu duy nhất có mặt cắt miệng còn dấu vết lá đề và cũng đang chuyển dần sang kiểu miệng tròn dẹt hình giọt nước của thời Lê sơ (thế kỷ XV - XVI). Rãnh ở cổ lon mất dần, chỉ còn rất nông và gần như không có sự phân biệt rõ ràng giữa miệng với thân. Đây là 2 dấu hiệu cho thấy kiểu lon này nằm ở giai đoạn trung gian chuyển tiếp từ lon thời Trần sang lon thời Lê sơ. Xương gốm mỏng, đanh chắc, màu đỏ tía hoặc ghi xanh, chất liệu mịn.

3.2.3. Di vật thời Lê sơ

Tổng số phát hiện 9 mảnh gốm men và 2 mảnh gốm sành.

***Bảng 8.* Di vật thời Lê sơ tại cửa biển Hội Triều**

Chất liệu	Dòng men	Loại hình	Hiện trạng				Tổng	
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đế/Đáy		
Gốm men	Trắng	Bát	-	4	35	15	54	82
		Đĩa	-	6	-	20	26	
		Bình	-		2		2	
	Hoa lam	Đĩa	-	19	9	3	31	31
	Ngọc	Chậu	-	2	-	1	3	3
Gốm sành		Lon	-	2	-	-	2	10
		Bình	-	8	-	-	8	
Tổng			-	41	46	39	126	

(Nguồn: Tác giả)

* Đồ gốm men:

Chỉ xuất hiện trên dòng men hoa lam với loại hình bát, gồm hai loại: Loại I là bát có chân đế thấp, mặt ngoài men phủ đến sát mép chân đế, đáy đế bát tô nâu; thân bát không có hoa văn trang trí mà chỉ có đường chỉ lam ở phần tiếp giáp giữa thân và lòng bát; chân đế bát cao 0,7 - 0,9cm, đường kính đế 5,5 - 6cm, mép đế dày 01 - 0,4cm. Loại II là bát có chân đế cao, mặt ngoài men phủ không hết; bát đã bị vỡ gần hết nên không thể nhận diện hoa văn trang trí, chỉ có đường chỉ lam xuất hiện ở phần tiếp giáp giữa thân và lòng bát; chân đế bát cao 1,6 - 1,9cm, đường kính 7,3 - 7,7cm, mép đế dày khoảng 0,5cm, góc đáy đế cắt tiện, đáy đế phẳng và được tô nâu *(Hình 18-19).*



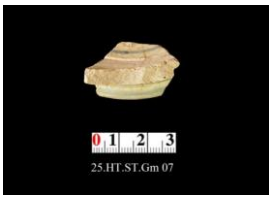
***Hình 16.* Bát men trắng LI-K2 thời Trần**



***Hình 17.* Bát men trắng LI-K3 thời Trần**



***Hình 18.* Bát hoa lam Loại I thời Lê sơ**



***Hình 19.* Bát hoa lam Loại I thời Lê sơ**

(Nguồn: Tác giả)

* Đồ gốm sành:

Phát hiện 2 mảnh đáy bình sành. Tuy không phát hiện được mảnh nào đủ dáng, nhưng khi so sánh với các hiện vật cùng loại tại các địa điểm khảo cổ học khác có thể thấy đây là loại bình thân cao, cổ ngắn, vai nở, đáy thon; miệng hơi khum, có mặt cắt là hình tứ giác (vuông hoặc chữ nhật). Hiện vật có mặt ngoài mịn, bên trong còn nhiều vết dải cuộn. Thân nhỏ dần đều xuống đáy,

thành lon dày hơn ở gần đáy (từ 0,7 - 1,9cm), đáy phẳng. Chất liệu là đất sét, xương gốm đanh chắc, màu nâu vàng và có lẫn các hạt sạn đen nhỏ li ti (Tống Trung Tín và nnk 2019).

3.2.4. Di vật thời Lê Trung hưng

Đây là thời kỳ phát hiện được di vật có số lượng lớn nhất với 126 mảnh, trong đó có 116 mảnh đồ gốm men và 10 mảnh đồ gốm sành.

* Đồ gốm men:

Đồ gốm men thời Lê Trung hưng phát hiện được trong cuộc khảo sát Hội Triều lần này thuộc ba dòng men: men trắng, men hoa lam và men ngọc. Về số lượng, tổng số có 116 mảnh, trong đó dòng men trắng nhiều nhất với 82 mảnh, dòng men hoa lam có 31 mảnh, ít nhất là dòng men ngọc với 03 mảnh. Về loại hình, đồ gốm khá phong phú, gồm bát, đĩa, bình và chậu. Về hiện trạng, tất cả đều trong tình trạng vỡ nát, trong đó có 31 mảnh miệng, 46 mảnh thân và 39 mảnh chân đế/đáy.

***Bảng 9.* Di vật thời Lê Trung hưng tại cửa biển Hội Triều**

Chất liệu	Dòng men	Loại hình	Hiện trạng				Tổng	
			Đủ dáng	Miệng	Thân	Đế/Đáy		
Gốm men	Trắng	Bát	-	4	35	15	54	82
		Đĩa	-	6	-	20	26	
		Bình	-		2		2	
	Hoa lam	Đĩa	-	19	9	3	31	31
	Ngọc	Chậu	-	2	-	1	3	3
Gốm sành		Lon	-	2	-	-	2	10
		Bình	-	8	-	-	8	
Tổng			-	41	46	39	126	

(Nguồn: Tác giả)

- Dòng men trắng: gồm các loại hình bát, đĩa và bình.

Bát gồm hai loại. Loại I có 44 mảnh, men phủ toàn bộ bát, mép chân đế cạo xương hai rìa; chân đế bát cao 0,4 - 0,7cm, đường kính 6 - 6,6cm, mép đế dày 0,2 - 0,5cm. Loại II có 10 mảnh, là bát có mặt ngoài phủ men không hết, mép đế cắt phẳng, đáy đế để mộc; chân đế cao 0,3 - 0,9cm, đường kính 5,5 - 6,2cm, mép đế dày 0,4 - 0,6cm.

Đĩa: Có số lượng ít hơn với 26 mảnh (20 mảnh chân đế và 6 mảnh miệng), mặt ngoài men phủ không hết; chân đế đĩa thấp, thành ngoài chân đế khum, thành trong thẳng đứng, đáy đế sâu và phẳng; chồng nung bằng phương pháp ve lòng.

Bình: Tuy không phát hiện được hiện vật nào còn nguyên hay đủ dáng, nhưng dựa vào tư liệu của các cuộc khai quật trước đây có thể thấy, khác với bình thời Lê sơ hay thời Mạc, bình thời Lê Trung hưng có miệng loe rộng, mép miệng vê tròn, một số mảnh có hiện tượng cạo xương trên rìa mép, cổ cao và thu nhỏ dần xuống vai; vai bình rộng và thu nhỏ dần xuống đáy, tương tự loại hình lọ. Mặt ngoài bình được phủ men màu trắng hơi ngả vàng, lớp men mỏng, có nhiều vết rạn và đã bị bong tróc gần hết; mặt trong bình để mộc. Thân bình được tạo múi giống cánh hoa. Vào thời

kỳ này, cũng như loại hình đồ đựng phi bát đĩa khác, bình không có chân đế, đáy đế cắt bằng và để mộc. Xương gốm khá mịn, màu trắng xám và khá đanh chắc (Tống Trung Tín và nnk 2019).

- Dòng men hoa lam:

Tổng số 31 mảnh đều thuộc loại hình đĩa, trong đó có 19 mảnh miệng, 9 mảnh thân và 3 mảnh chân đế. Đĩa chỉ có một loại, men phủ không hết thành ngoài thân đĩa, chân đế đĩa thấp, thành ngoài chân đế khum, thành trong thẳng đứng, đáy đế sâu và phẳng; chồng nung bằng phương pháp ve lòng. Vì mảnh vỡ còn lại rất nhỏ nên không xác định được motif hoa văn, chỉ còn các đường chỉ chìm chạy song song với miệng bên trong thành đĩa.

- Dòng men ngọc:

Đây là dòng men phát hiện được có số lượng ít nhất với 3 mảnh, trong đó có 2 mảnh miệng và 1 mảnh đáy chậu. Đây là loại hình bảo lưu khá điển hình về kiểu dáng cũng như kỹ thuật từ các thời đại trước, chậu thời Lê Trung hưng chỉ khác chậu các thời kỳ trước ở nước men và chất liệu. Các hiện vật được phủ men ngọc ngả vàng nhạt hoặc xanh rêu, nước men mỏng và đã bị bong tróc khá nhiều. Miệng chậu loe rộng, mép miệng vê tròn và dày hơn thành miệng. Thân chậu có dáng vát thẳng, xương mỏng dần từ miệng xuống đáy. Chậu không có chân đế, đáy chậu cắt bằng, để mộc và khá thô. Xương gốm thô, màu trắng xám, đôi chỗ xuất hiện lỗ bọt khí nhỏ.

* Đồ gốm sành:

- Lon: có 2 mảnh miệng.

Lon có dáng trụ, thân thẳng. Miệng lon đứng, thành miệng cao, có mặt cắt gần hình thang, thành miệng dày khoảng 1,0cm, gấp gần 2 lần xương gốm ở phần thân, thành miệng ngoài phân biệt với thân bằng 1 rãnh nhỏ và sâu (là dấu vết của quá trình gắn miệng để lại), thành miệng trong phân biệt với thân bằng gờ nổi, mép trên cắt phẳng và có dấu kê nung, đường kính miệng rộng 9 - 16cm. Thân có từ 6 - 9 đường chỉ chìm chạy song song với miệng, cách mép miệng 2,2 - 2,5cm. Bề mặt gốm khá nhẵn, có màu đen sẫm hoặc nâu đen. Xương gốm dày, được làm từ chất liệu là đất sét, đanh chắc, màu đen xám hoặc nâu tía.

- Bình: 8 mảnh miệng.

Tuy chỉ phát hiện được các mảnh nhỏ phần miệng nhưng qua so sánh với các hiện vật cùng loại phát hiện được tại các địa điểm khác như 18 Hoàng Diệu, Điện Kính Thiên (Hà Nội) có thể thấy, đây là loại bình có kích thước lớn, đường kính miệng từ 19 - 25cm, thân cao, cổ cao, miệng rộng hoặc thu nhỏ, vai nở, đáy thu. Trên thân bình được trang trí hoa văn chỉ chìm kết hợp nan chiếu thô (Tống Trung Tín và nnk 2019).

4. Một số nhận xét

Sự ra đời của con đường tơ lụa được đánh giá là sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử quan hệ kinh tế - văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ, vì thế nó thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả. Con đường tơ lụa trên bộ đã từng có nhiều công trình nghiên cứu công phu, nhưng những hiểu biết về con đường tơ lụa trên biển cho đến nay vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được khám phá, đã và đang kích thích sự tìm tòi nghiên cứu của các nhà khoa học.

Việt Nam ta, từ rất sớm, các bậc tiền nhân đã tận dụng thế mạnh của quốc gia có sông sâu, biển rộng lập nên những thương cảng sầm uất. Đó là những "điểm mở" giao thương với thế giới bên ngoài, đưa Đại Việt hòa nhập vào con đường tơ lụa trên biển, đón nhận những luồng mậu dịch quốc tế.

Với mục tiêu tiến hành nghiên cứu, khảo sát như đã đề cập, kết quả cho thấy, vị trí hiện nay của khu vực phía Nam cửa biển Y Bích là xã Hoằng Tiến; cửa biển Hội Triều gồm các xã Hoằng Lộc, Hoằng Thanh, Hoằng Châu nằm ở phía Bắc và phường Sầm Sơn ở phía Nam. Đây là những nơi sông Mã đổ ra Biển Đông, tạo thành các vùng cửa sông rộng lớn.

Y Bích có địa hình nổi bật với các cồn cát ven biển, dải đất trũng bên trong và dãy núi Linh Trường chạy sát bên. Đất đai giàu phù sa, thuận lợi cho canh tác và có cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, đẹp mắt. Ngư nghiệp là ngành kinh tế chính, bên cạnh đó, người dân còn canh tác một số loại cây trồng trên dải đất trũng. Giao thông đang được cải thiện với việc xây dựng cầu vượt sông, giúp kết nối thuận tiện hơn. Khu vực này cũng có tiềm năng phát triển du lịch nhờ cảnh quan đẹp và các di vật lịch sử cho thấy lịch sử cư trú lâu đời.

Với Hội Triều, vị trí của khu vực này giúp nó có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển, đặc biệt là du lịch. Đây là nơi hội tụ văn hóa, có nhiều di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, đang được xây dựng để trở thành trung tâm du lịch quốc tế. Đặc biệt, nhà Nguyễn đã tiến hành đo đạc cửa tấn này. Viện nghiên cứu Di sản Văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc dẫn theo *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Tấn Hội Triều phía Đông là xã Hội Triều thuộc huyện Hoằng Hóa, phía Tây là địa phận xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương. Cửa tấn rộng 400 trượng 5 thước, thủy triều lên sâu 7 thước 5 tấc, thủy triều xuống sâu 3 thước 5 tấc, có đặt tấn thủ canh phòng. Cửa biển Hội Triều rất sâu" (Viện nghiên cứu Di sản Văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc 2019).

Tại hai khu vực này, chúng tôi phát hiện nhiều di vật xuất lộ trên bề mặt gồm các chất liệu gốm men và gốm sành với các loại hình đồ dùng sinh hoạt như bát, đĩa, bình, lon, vò... thuộc nhiều giai đoạn lịch sử như thời kỳ thuộc Hán, Lý, Trần, Lê sơ đến Lê Trung hưng; trong đó, các hiện vật có nguồn gốc Đại Việt kéo dài từ thời Trần đến thời Lê Trung hưng có số lượng nhiều hơn cả.

- Về di vật thời Trần

Đồ gốm men thời Trần gồm các dòng men trắng và ngọc với kỹ thuật cắt chân đế khá đa dạng, đều là những kỹ thuật cắt đế đặc trưng trên loại hình bát thuộc thời kỳ này. Kỹ thuật chồng nung cũng rất thống nhất, trong đó chỉ phát hiện duy nhất phương pháp chồng nung bằng con kê tại đây.

Đồ gốm sành thời Trần có cấu trúc miệng gồm hai kiểu, một là tiết diện ngang hình tam giác lệch, hai là tiết diện hình nửa lá đề. Một điểm khá thú vị là đồ sành thời Trần phát hiện tại Y Bích có tiết diện ngang là hình tam giác lệch còn tại Hội Triều tiết diện là hình nửa lá đề. Trong đó kiểu thứ nhất chủ yếu là ở di vật có niên đại Trần sớm, kiểu thứ hai là các di vật có niên đại Trần muộn. Kỹ thuật và chất liệu đồ sành thời Trần đã đạt đến trình độ cao nhất. Toàn bộ các loại hình di vật đều được làm rất chau chuốt cẩn thận, bề mặt nhẵn mịn, gần như không còn các vết dải cuộn hay các vết gắn chắp; miệng, vai, rãnh được cắt gọt rất sắc nét, rõ ràng, chính xác; chất liệu chủ yếu là đất sét thuần có lẫn rất ít tạp chất; xương gốm đanh mịn, không có sạn cát mà chỉ có các lỗ nhỏ do bọt khí tạo ra. Họa tiết trang trí gồm đường chỉ khắc vạch kép và văn nan chiếu mịn.

- Về di vật thời Lê sơ

Đồ gốm men thời Lê sơ phát hiện được tại hai cửa biển chủ yếu thuộc dòng gốm men trắng và hoa lam, phù hợp với các nghiên cứu đã chứng minh rằng gốm hoa lam phát triển đỉnh cao vào thời kỳ này. Đặc biệt tại cửa biển Y Bích phát hiện một mảnh bát men trắng có thành bát rất mỏng và trang trí văn rồng in khuôn thể hiện trình độ cao của kỹ thuật chế tác. Lớp men thời Lê sơ dày hơn, phổ biến màu trắng đục, trắng ngà, độ thủy tinh hóa cao, bề mặt trong và bóng. Motif trang trí cánh sen và chữ "Chính" trong lòng bát cũng chứng tỏ đây là những sản phẩm khá cao cấp, xuất hiện tại đây qua con đường giao thương, trao đổi chứ không phải sản phẩm của địa phương.

Đồ sành thời Lê sơ phát hiện được tại Y Bích và Hội Triều đơn giản từ hình thức đến chất liệu, kỹ thuật, hoa văn… Chất liệu của đồ sành thời kỳ này chủ yếu là đất sét, ngoài ra còn có một lượng cát nhỏ hoặc các hạt màu đen nhỏ li ti. Xương gốm đanh chắc nhưng không mịn, thường có màu đỏ tía. Trong xương gốm cũng như bề mặt hiện vật có rất nhiều hạt đen nhỏ li ti. Mặt khác, xương gốm thường dày và nặng, đặc biệt là loại hình lon. Vì vậy, đồ sành thời kỳ này thường thô, không có sự thanh thoát về hình dáng. Cấu trúc miệng có hình gần giống lá đề, thuộc giai đoạn cuối Trần, đầu Lê sơ. Kỹ thuật chế tác vẫn theo phương pháp truyền thống, tạo gốm trên bàn xoay, chuốt gốm cẩn thận, bề mặt khá nhẵn.

- Về di vật thời Lê Trung hưng

Đồ gốm men phát hiện được tại Y Bích và Hội Triều lần này về kỹ thuật, đặc biệt là ở loại hình bát và đĩa, gồm nhóm có đáy đế phủ men và nhóm có đáy đế để mộc; hình dáng, nước men cũng như kỹ thuật cắt chân đế hoàn toàn tương tự nhau. Chất liệu sản xuất cũng có sự tương đồng, điều này thể hiện ở màu sắc xương gốm màu trắng xám chủ yếu có nguồn gốc từ lò Hợp Lễ (Hải Dương) (Tống Trung Tín và nnk 2019). Kỹ thuật chồng nung khá đơn giản, hầu hết là chồng nung bằng phương pháp ve lòng; một mặt bởi nhu cầu thương mại hóa đòi hỏi cho ra đời các sản phẩm được sản xuất hàng loạt, vì lý do này, phương pháp "nung ve lòng" được ưa chuộng hơn cả bởi cho số lượng chồng được nhiều và nung với số lượng lớn, do đó các sản phẩm thường có dáng thấp, lòng rộng và nông để đảm bảo nung được với số lượng lớn và nhanh chóng. Một điểm nổi bật của đồ gốm men phát hiện được tại Y Bích là các sản phẩm có đường kính chân đế khá lớn và dày. Xương gốm thô nặng, xương đất trắng xám. Nước men cũng khá đa dạng như màu trắng xanh, trắng ngà, trắng xám hay xám. Đường nét hoa văn sắc màu lam đen hoặc xám nhạt gần giống với màu hoa lam thời Trần cuối thế kỷ XIV.

Đồ sành thời Lê Trung hưng tại đây có số lượng khá khiêm tốn, chất liệu chủ yếu là đất sét thuần. Xương gốm đanh mịn, không có nhiều hạt đen li ti như sành thời Lê sơ, bề mặt nhẵn bóng. Xương gốm tương đối dày và nặng, đặc biệt là một số loại bình thân cao, dáng thon.

Thương cảng là nguồn tư liệu quan trọng để hiểu được toàn bộ về kinh tế, xã hội, văn hóa và lịch sử của một quốc gia. Thương cảng Việt Nam không chỉ đóng vai trò kết nối đồng bằng, vùng núi và vùng biển mà còn là một cứ điểm quan trọng trong mạng lưới giao thương quốc tế, kết nối Đông - Tây với các quốc gia trên bán đảo Đông Dương.

Từ xa xưa, Y Bích đã là một cửa biển sầm uất, tấp nập hoạt động giao thương. Các thuyền buồm từ cả Nam và Bắc đều qua lại cửa biển này. Sứ thần nhà Nguyên - Trần Phu - từng miêu tả đây là một "thị trấn lớn" với các phiên thuyền tụ tập đông đúc (Nguyên Linh 2021). Ngoài ra, cửa biển Y Bích - "cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa quan trọng hàng đầu của lỵ sở xứ Thanh", "thắng cảnh thiên nhiên thu hút sự chú ý của con người" (Nguyễn Văn Chuyên 2021). Những dấu tích khảo cổ học ở đây cho thấy, dấu vết cư trú và giao thương trao đổi hàng hóa hình thành từ rất sớm. Trong kỷ nguyên thương mại, Y Bích là một cửa ngõ giao thương của Đại Việt, có sự hiện diện của thương nhân quốc tế (Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc 2019).

Trong lịch sử, cửa Hội Triều từng là nơi giao thương buôn bán tấp nập, là cầu nối giữa các vùng miền trong nước và quốc tế. Tương truyền, Hội Triều là nơi có các khu phố của người Trung Hoa và Nhật Bản đến buôn bán, trao đổi hàng hóa. Với vị trí quan trọng của mình, cửa Hội Triều còn là một "then khóa" chiến lược trong việc phòng thủ và bảo vệ vùng biển. Các triều đại phong kiến Việt Nam đã chú trọng việc kiểm soát và quản lý các cửa biển, trong đó có cửa Hội Triều. Lịch sử cửa biển Hội Triều cho thấy đây không chỉ là một cửa sông đơn thuần mà còn là một không gian

văn hóa, kinh tế, nơi giao thoa của nhiều yếu tố để tạo nên bản sắc độc đáo của vùng đất xứ Thanh (Nguyên Linh 2021).

Chú thích:

Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, mã số KCH/NV/2025 - 13, Tên nhiệm vụ: ***"Khảo sát cửa biển tại huyện Hoằng Hóa và thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa"***, do Viện Khảo cổ học chủ trì thực hiện, ThS Bùi Văn Hùng làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU DẪN

GUSTAVE DUMOUTIER (bản dịch) 2020. *Nghiên cứu bản đồ cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV*. Nxb. Hà Nội.

HUYỆN ỦY - HĐND - UBND HUYỆN HOẰNG HÓA TỈNH THANH HÓA (tái bản có chỉnh lý bổ sung) 2025. *Địa chí huyện Hoằng Hóa*. Nxb. Thông tin và Truyền thông.

NGUYÊN LINH 2021. "Cửa biển Hội Triều xưa và nay", *Báo điện tử tỉnh Thanh Hóa* (https://baothanhhoa.vn/cua-bien-hoi-trieu-xua-va-nay-142372.htm).

NGUYỄN VĂN CHUYÊN 2021. *Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ X - XIX*. Nxb. Thế giới.

THÀNH ỦY - HĐND - UBND - UBMTTQ THÀNH PHỐ SẦM SƠN 2022. *Địa chí thành phố Sầm Sơn*. Nxb. Thanh Hóa.

TỈNH ỦY - HĐND - UBND TỈNH THANH HÓA 2000. *Địa chí Thanh Hóa tập I Địa lý và lịch sử*. Nxb. Văn hóa Thông tin.

TỐNG TRUNG TÍN VÀ NNK 2019. *Báo cáo kết quả khai quật thăm dò khảo cổ học tại trung tâm Hoàng thành Thăng Long năm 2018*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

TRỊNH CAO TƯỞNG 2002. *Nghiên cứu Khảo cổ học một số thương cảng cổ vùng biển miền Bắc Việt Nam thê kỷ IX-XVII*, Tư liệu Viện Khảo cổ học.

VIỆN NGHIÊN CỨU DI SẢN VĂN HÓA BIỂN QUỐC GIA HÀN QUỐC (bản song ngữ) 2019. *Thương cảng cổ Việt Nam phần II*. Nxb. Hiệp hội thành viên lao động khuyết tật.

ARCHAEOLOGICAL SURVEYS AT Y BÍCH AND HỘI TRIỀU ESTUARIES (THANH HÓA PROVINCE) IN 2025

BÙI VĂN HÙNG

Located in the North Central region, Thanh Hóa has a long coastline with many important river/sea estuaries, including Y Bích and Hội Triều. Y Bích was a bustling port from the beginning of the Common Era, attracting merchant ships from India, China, Champa... Here, a human-shaped lamp in the Indian style was found. Hội Triều, at the latest in the 15th century, was on par with major trading ports such as Vân Đồn, Vạn Ninh, Cầu Hải, Hội Thống, Phú Lương, Tam Kỳ, Trúc Hoa. These are all estuaries where the Mã River flows into the sea.

At these two estuaries, through the survey, we discovered many artifacts which are fragments of household utensils made of two materials: glazed ceramics and stoneware, including types such as bowls, plates, vases, basins... belonging to many different historical periods such as: Hán, Đại La, Lý, Trần, Lê sơ to Lê Trung hưng (Y Bích estuary); Hán, Trần, Lê sơ, Lê Trung hưng Dynasty (Hội Triều estuary).

Although the artifacts discovered were all in a broken state, the survey results show that Y Bích and Hội Triều had a long history of residence and trade, playing an important role in connecting Vietnam with the Maritime Silk Road. Researching and documenting these artifacts is the foundation for the conservation and promotion of the value of the sites in the future.